

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công Ty Lâm Nghiệp Nguyễn Văn Trỗi theo Quyết định số 176/QĐ-CT ngày 09/03/2012 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tuyên Quang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5000155997 ngày 16/04/2012.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xóm Dân Chủ, Xã Đội Bình, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang

Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng chẵn).

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Trung	Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương (HVAC) - Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế Eura Audit International.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Trung
Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 02 năm 2016



HVAC

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL
MEMBER OF EURA AUDIT INTERNATIONAL



EuraAuditInternational

Số: 008/2016/BCKT-CNHVAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty TNHH Một Thành Viên Lâm Nghiệp Nguyễn Văn Trỗi

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Nguyễn Văn Trỗi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Nguyễn Văn Trỗi, được lập ngày 29/02/2016, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do đặc thù rừng tại Công ty có diện tích lớn và phân bố ở nhiều nơi, cùng với những hạn chế từ phía Công ty nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không xác minh được tính hiện hữu và đầy đủ của diện tích rừng dở dang chưa khai thác của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Nguyễn Văn Trỗi trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

HUNG VUONG AUDITING COMPANY LIMITED

Head office: No. 17, Lane 36/4, Luong Dinh Cua Street, Phuong Mai Ward, Dong Da District, Ha Noi City, Viet Nam

Tel: (+84-4) 3628 5187 * Fax: (+84-4) 3628 4479 * Hotline: 0979 293 888

Website: www.hvac.com.vn * Email: phuonglinh_iafc@yahoo.com.vn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đang được xác định dựa trên cơ sở ước tính của bộ phận kế toán. Do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của nó đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Nguyễn Văn Trỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 27 tháng 03 năm 2015 có dạng ý kiến giữ hạn, do hạn chế nhận được Thư xác nhận Công nợ Phải thu phải trả.



Bùi Thị Tĩnh

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1027-2015-098-1

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH HÀ NỘI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG - HVAC

Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế Eura Audit International

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Lê Thị Liên

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1429-2015-098-1

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.732.109.718	19.859.906.375
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	657.688.070	4.885.846.427
1. Tiền	111		657.688.070	4.885.846.427
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		844.686.913	1.750.631.850
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	40.871.742	240.964.798
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	211.151.800	371.224.638
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.383.103.110	1.218.579.144
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(790.439.739)	(80.136.730)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	13.594.737.360	13.177.597.598
1. Hàng tồn kho	141		13.594.737.360	13.177.597.598
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		634.997.375	45.830.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	634.997.375	45.830.500
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		620.948.745	608.151.967
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		281.755.343	268.958.565
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	281.755.343	268.958.565
- Nguyên giá	222		1.657.665.871	1.497.593.033
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.375.910.528)	(1.228.634.468)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		339.193.402	339.193.402
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	339.193.402	339.193.402
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		17.353.058.463	20.468.058.342

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		8.155.244.003	11.637.250.590
I. Nợ ngắn hạn	310		7.905.244.003	10.887.250.590
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	210.482.363	109.579.135
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	-	2.851.477.446
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	836.729.906	530.222.429
4. Phải trả người lao động	314		3.690.699.326	4.105.695.695
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	855.324.967	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		115.888.395	115.888.395
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	532.537.276	1.380.417.815
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.663.581.770	1.793.969.675
II. Nợ dài hạn	330		250.000.000	750.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	250.000.000	750.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.197.814.460	8.830.807.752
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	8.885.114.460	8.518.107.752
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.000.000.000	7.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.574.468.912	1.207.462.204
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		310.645.548	310.645.548
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		312.700.000	312.700.000
1. Nguồn kinh phí	432		312.700.000	312.700.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		17.353.058.463	20.468.058.342
(440 = 300+400)				

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Doãn Công Anh

Nguyễn Ngọc Tiến

Nguyễn Văn Trung

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11.127.894.583	7.286.350.180
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	11.127.894.583	7.286.350.180
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	6.699.870.733	4.455.089.785
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.428.023.850	2.831.260.395
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	110.055.166	194.739.328
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	2.756.539.278	1.846.114.153
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.781.539.738	1.179.885.570
11. Thu nhập khác	31	5.21	23.317.641	600.458.314
12. Chi phí khác	32		-	4.791.078
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		23.317.641	595.667.236
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		1.804.857.379	1.775.552.806
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	360.971.476	355.110.561
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.443.885.903	1.420.442.245

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Doãn Công Anh



Nguyễn Ngọc Tiên



Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	8.314.640.723	10.424.441.986
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.640.149.321)	(213.012.500)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.501.992.442)	(3.477.998.402)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(76.218.836)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(364.629.675)	(361.076.728)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	271.134.456	591.668.796
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.917.217.264)	(4.496.415.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.838.213.523)	2.391.388.876
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	110.055.166	194.739.328
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(889.944.834)	194.739.328
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(500.000.000)	(2.118.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(500.000.000)	(2.118.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(4.228.158.357)	468.128.204
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.885.846.427	4.417.718.223
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	657.688.070	4.885.846.427

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Doãn Công Anh

Nguyễn Ngọc Tiến

Nguyễn Văn Trung

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công Ty Lâm Nghiệp Nguyễn Văn Trỗi theo Quyết định số 176/QĐ-CT ngày 09/03/2012 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Tuyên Quang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5000155997 ngày 16/04/2012.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xóm Dân Chủ, Xã Đội Bình, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang.

Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng chẵn).

Số lao động bình quân trong năm là: 52 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- Ươm giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến có nguồn gốc hợp pháp (trừ các loại nhà nước cấm)

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Trồng rừng chăm sóc rừng.

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm Phải thu khách hàng và Phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính chất thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 2 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
- ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...,) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	89.275.583	109.473.009
Tiền gửi ngân hàng	568.412.487	4.776.373.418
+ Tiền gửi ngân hàng (VNĐ)	568.412.487	1.776.373.418
- Ngân hàng NN&PTNT Tuyên Quang	9.343.755	1.666.013.947
- Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam Tuyên Quang	142.270	360.052
- Ngân hàng Công thương Tuyên Quang	558.926.462	109.999.419
+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	3.000.000.000
- Ngân hàng Công thương Tuyên Quang	-	1.500.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Tuyên Quang	-	500.000.000
- Ngân hàng Liên Việt	-	1.000.000.000
Tổng	657.688.070	4.885.846.427

5.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Liên				
Việt - Chi nhánh Tuyên	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Quang (*)				
Tổng	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 1 tháng.

5.3 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	40.871.742	240.964.798
Trần Văn Thịnh	-	151.570.380
Trần Văn Hiền	17.851.000	17.851.000
Giang Hồ Luật	9.274.400	9.274.400
Chi nhánh Viettel Tuyên Quang	-	21.600.000
Ban Quản lý Dự án Huyện Yên Sơn	7.269.652	7.269.652
Phải thu ngắn hạn khác	6.476.690	33.399.366
Tổng	40.871.742	240.964.798

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	211.151.800	371.224.638
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Quyết Thắng	-	160.072.838
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Quyết Thắng	61.151.800	61.151.800
Công ty CP Hưng Quốc	150.000.000	150.000.000
Tổng	211.151.800	371.224.638

5.5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu khác	987.721.890	-	751.797.924	-
CBCNV Công ty	254.793.061	-	260.525.371	-
Hộ nhận khoán đất trồng cây ăn quả	666.559.705	-	393.553.808	-
Âu Văn Khang	33.369.124	-	33.369.124	-
Trịnh Xuân Tiến	33.000.000	-	33.000.000	-
Phải thu khác	-	-	31.349.621	-
Tạm ứng	395.381.220	-	466.781.220	-
Đội Kỳ Lâm	300.000.000	-	343.400.000	-
Đội Mỹ Lâm	70.000.000	-	70.000.000	-
Tạm ứng khác	25.381.220	-	53.381.220	-
Tổng	1.383.103.110	-	1.218.579.144	-

5.6 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng tồn kho	13.594.737.360	-	13.177.597.598	-
Nguyên liệu, vật liệu	59.307.900	-	48.459.590	-
Công cụ, dụng cụ	520.000	-	562.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.534.671.710	-	13.127.738.458	-
Thành phẩm	237.750	-	837.550	-
Tổng	13.594.737.360	-	13.177.597.598	-

5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dài hạn	634.997.375	45.830.500
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	634.997.375	45.830.500
Tổng	634.997.375	45.830.500

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8 TĂNG GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Mẫu B 09-DN

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	746.796.533	-	655.586.500	95.300.000	1.497.593.033
Tăng trong năm	160.072.838	-	-	-	160.072.838
Mua trong năm	160.072.838	-	-	-	160.072.838
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	906.779.371	-	655.586.500	95.300.000	1.657.665.871
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	746.706.533	-	386.627.935	95.300.000	1.228.634.468
Tăng trong năm	80.036.419	-	67.239.641	-	147.276.060
Khấu hao trong năm	80.036.419	-	67.239.641	-	147.276.060
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	826.742.952	-	453.867.576	95.300.000	1.375.910.528
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	-	-	268.958.565	-	268.958.565
Tại 31/12/2015	80.036.419	-	201.718.924	-	281.755.343

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 95.300.000 đồng./

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dài hạn	339.193.402	-	339.193.402	-
Công trình Vườn ươm giống cây lâm nghiệp và làng thanh niên	339.193.402	-	339.193.402	-
Tổng	339.193.402	-	339.193.402	-

5.10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	210.482.363	210.482.363	109.579.135	109.579.135
Ông Sinh	67.295.107	67.295.107	67.295.107	67.295.107
Đo đạc đất cây ăn quả	44.187.256	44.187.256	42.284.028	42.284.028
Công ty TNHH Trung Mai	99.000.000	99.000.000	-	-
Tổng	210.482.363	210.482.363	109.579.135	109.579.135

5.11 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	2.851.477.446
Ban di dân tái định cư huyện Yên Sơn	-	2.851.477.446
Tổng	-	2.851.477.446

5.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
Phải nộp	530.222.429	722.276.490	415.769.013	836.729.906
Thuế giá trị gia tăng	1.963.636	1.963.636	1.963.636	1.963.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.629.675	360.971.476	364.629.675	190.971.476
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	333.629.118	359.341.378	49.175.702	643.794.794
Tổng	530.222.429	722.276.490	415.769.013	836.729.906

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trích trước chi phí lãi vay	855.324.967	-
Tổng	855.324.967	-

5.14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	532.537.276	1.380.417.815
Kinh phí công đoàn	41.516.845	39.869.935
Bảo hiểm xã hội	13.308.430	10.347.700
Phải trả, phải nộp khác:	477.712.001	1.330.200.180
- Tiền vận chuyển cây giống	42.295.001	42.295.001
- Lãi vay vốn	-	808.093.326
- Dự án 661 (Tiền vay)	400.000.000	400.000.000
- Vật tư sản xuất cây giống	-	46.178.653
- Phụ cấp kiểm soát viên công ty	19.533.600	17.749.800
- Phải trả khác	15.883.400	15.883.400
Tổng	532.537.276	1.380.417.815

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Mẫu B 09-DN

Đơn vị tính: VNĐ

	31/12/2015		Tăng trong năm		Giảm trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ					Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	-	500.000.000	500.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
- Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Ngân hàng DT&PT Tuyên Quang	250.000.000	250.000.000	-	-	-	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Tổng	250.000.000	250.000.000	-	500.000.000	500.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn Đầu tư XDCB	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	7.000.000.000	-	-	310.645.548	7.310.645.548
Tăng trong năm	-	1.207.462.204	-	-	(1.207.462.204)
Lãi trong năm nay	-	-	1.420.442.245	-	1.420.442.245
Trích lập các quỹ	-	1.207.462.204	(1.420.442.245)	-	(212.980.041)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	7.000.000.000	1.207.462.204	-	310.645.548	8.518.107.752
Số dư tại 01/01/2015	7.000.000.000	1.207.462.204	-	310.645.548	8.518.107.752
Tăng trong năm	-	367.006.708	-	-	367.006.708
Lãi trong năm	-	-	1.443.885.903	-	1.443.885.903
Trích lập các quỹ	-	367.006.708	(1.443.885.903)	-	(1.076.879.195)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	7.000.000.000	1.574.468.912	-	310.645.548	8.885.114.460

5.17 DOANH THU BÁN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán thành phẩm	11.127.894.583	7.286.350.180
Tổng	11.127.894.583	7.286.350.180

5.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán thành phẩm	6.699.870.733	4.455.089.785
Tổng	6.699.870.733	4.455.089.785

5.19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	110.055.166	194.739.328
Tổng	110.055.166	194.739.328

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí quản lý	2.756.539.278	1.846.114.153
Chi phí nhân viên quản lý	1.514.244.818	1.582.034.422
Chi phí vật liệu quản lý	47.583.280	64.665.260
Chi phí đồ dùng văn phòng	237.872.076	35.869.164
Chi phí khấu hao TSCĐ	67.239.641	67.239.641
Thuế phí và lệ phí	2.009.829	8.579.360
Chi phí dự phòng	710.303.009	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.384.825	9.048.511
Chi phí bằng tiền khác	96.901.800	78.677.795
Tổng	2.756.539.278	1.846.114.153

5.21 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập khác	23.317.641	600.458.314
Thu tiền quản lý đất trồng cây ăn quả	-	45.569.908
Thu tiền theo QĐ số 26/QĐ-CT	-	7.300.000
Tiền hoàn thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	31.107.497
Hạch toán theo QĐ số 176/QĐ-CT	-	141.461.909
Điều chỉnh thuế đất theo BBTT số 66/QĐ-TT ngày 6/5/2014	-	375.019.000
Thu nhập khác	23.317.641	-
Tổng	23.317.641	600.458.314

5.22 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.804.857.379	1.775.552.806
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập chịu thuế		
- Thu nhập không chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế	1.804.857.379	1.775.552.806
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	360.971.476	355.110.561
Tổng Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	360.971.476	355.110.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	786.458.163	475.179.737
Chi phí nhân công	5.645.355.498	5.939.883.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.276.060	67.239.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.552.262.189	721.081.466
Chi phí khác bằng tiền	282.143.846	175.022.200
Tổng	8.413.495.756	7.378.406.155

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	657.688.070	4.885.846.427
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.423.974.852	1.459.543.942
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng	3.081.662.922	6.345.390.369
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	250.000.000	750.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	743.019.639	1.489.996.950
Chi phí phải trả	-	-
Tổng	993.019.639	2.239.996.950

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Bảng dưới đây trình bày chi tiết: các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Các khoản vay	-	250.000.000	250.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	743.019.639	-	743.019.639
Chi phí phải trả	-	-	-
Công nợ khác	6.306.899.397	-	6.306.899.397
01/01/2015			
Các khoản vay	-	750.000.000	750.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.489.996.950	-	1.489.996.950
Chi phí phải trả	-	-	-
Công nợ khác	9.397.253.640	-	9.397.253.640

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết: mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	657.688.070	-	657.688.070
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.423.974.852	-	1.423.974.852
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.885.846.427	-	4.885.846.427
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.459.543.942	-	1.459.543.942
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 THÔNG TIN SO SÁNH

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014.

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Doãn Công Anh

Nguyễn Ngọc Tiên

Nguyễn Văn Trung